

Số: 2157/2022/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 05 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI
Căn cứ vào Điều 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật
Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí
Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 3021/2022/TLST – VHNGĐ
ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm
những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Bá Anh Q, sinh năm 1982;
2. Bà Vũ Kim D, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ HKTT: 208, Trương Định, khu phố B, phường T, thành phố Biên
Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tổ 6C, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về qua hệ hôn nhân: Ông Q và bà D chung sống với nhau và có đăng ký kết
hôn vào năm 2011 tại UBND phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Theo
Giấy chứng nhận kết hôn số 72/2011 cấp ngày 27/5/2011), hôn nhân trên cơ sở tự
nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng qua
điều, không thể giải quyết được. Nay Ông Q và bà D xác định tình cảm vợ chồng
không còn nên cả hai cùng yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận
việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên là Trần Bá Khánh A, sinh ngày
21/11/2011; Trần Bá Khánh T, sinh ngày 21/11/2014 và Trần Bá Vũ M, sinh ngày
29/8/2017. Ly hôn, ông Q và bà D thoả thuận, giao hai con Trần Bá Khánh A và

Trần Bá Khánh T cho bà Vũ Kim D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Trần Bá Vũ M cho ông Trần Bá Anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, ông Q và bà D thoả thuận: Bà Vũ Kim D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Bá Vũ M 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Trần Bá Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con là Trần Bá Khánh A và Trần Bá Khánh T số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Q, bà D được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Q và bà D tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Q, bà D khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Bá Anh Q và bà Vũ Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về qua hệ hôn nhân: Ông Trần Bá Anh Q và bà Vũ Kim D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Trần Bá Khánh A, sinh ngày 21/11/2011; Trần Bá Khánh T, sinh ngày 21/11/2014 và Trần Bá Vũ M, sinh ngày 29/8/2017. Ly hôn, ông Q và bà D thoả thuận, giao hai con Trần Bá Khánh A và Trần Bá Khánh T cho bà Vũ Kim D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con Trần Bá Vũ M cho ông Trần Bá Anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, ông Q và bà D thoả thuận: Bà Vũ Kim D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Bá Vũ M 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Trần Bá Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con là Trần Bá Khánh A và Trần Bá Khánh T số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/tháng (mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Q, bà D được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Q và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí Tòa án: Ông Trần Bá Anh Q và bà Vũ Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004712 ngày 03/11/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tp. Biên Hoà (1);
- Chi cục THADS tp. Biên Hoà (1);
- Đương sự (2);
- UBND phường T, Tp. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3)

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Hùng

